

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Bà Nguyễn Thị Phương Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Chính là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thái Nguyên-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ H , sinh năm 1985; cư trú tại thôn B L , xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị N , sinh năm 1985; cư trú tại thôn Đ T , xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Vũ H trình bày: Anh và vợ của anh là chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 4 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn, anh và chị Phạm Thị N tìm hiểu một thời gian rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung với nhau tại nhà cha, mẹ của anh nhưng vợ chồng chỉ sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng của anh có quá nhiều bất đồng quan

điểm trong công việc hằng ngày. Vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tháng 5 năm 2017 chị Phạm Thị N bỏ về nhà cha, mẹ của chị Phạm Thị N sống cho đến nay. Việc vợ chồng của anh mâu thuẫn đã được cha, mẹ hai bên hòa giải nhưng vợ chồng của anh vẫn không thể nào đoàn tụ. Nay quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh. Hiện nay vợ chồng anh không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho bị đơn chị Phạm Thị N tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn chị Phạm Thị N không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Vũ H và cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ; không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn chị Phạm Thị N tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn chị Phạm Thị N cũng không có mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Vũ H, cho anh Nguyễn Vũ H được ly hôn với chị Phạm Thị N; anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N không có con chung nên không xem xét giải quyết; anh Nguyễn Vũ H không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 21 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã M H, huyện P M, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 28 tháng 4 năm 2008; bản sao sổ hộ khẩu của hộ gia đình

anh Nguyễn Vũ H ; bản photocopy giấy chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Vũ H , chị Phạm Thị N .

Nguyên đơn anh Nguyễn Vũ H và bị đơn chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 4 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định. Anh Nguyễn Vũ H yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị N; chị Phạm Thị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ H . Anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N không có con chung. Anh Nguyễn Vũ H không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn chị Phạm Thị N cư trú tại thôn Đ T , xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị N .

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2008, quyển số 01 ngày 28 tháng 4 năm 2008. Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N tuân theo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N là hợp pháp. Anh Nguyễn Vũ H yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị N, vì anh Nguyễn Vũ H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng của anh sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đến tháng 5 năm 2017 chị Phạm Thị N bỏ về nhà cha mẹ của chị Phạm Thị N sống cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Phạm Thị N tham gia tố tụng với mục đích tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị Phạm Thị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Vũ H và không đến Tòa án mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo bà Trần Thị Miên là mẹ đẻ của chị Phạm Thị N thì sau khi kết hôn vợ chồng anh Nguyễn Vũ H , chị Phạm Thị N sống chung với gia

đình của anh Nguyễn Vũ H , trong quá trình chung sống vợ chồng anh Nguyễn Vũ H , chị Phạm Thị N mâu thuẫn như thế nào thì bà Trần Thị M không biết nhưng vì anh Nguyễn Vũ H , chị Phạm Thị N không có con chung nên cuộc sống không được hạnh phúc; thời gian gần đây chị Phạm Thị N về sống chung với gia đình của bà Trần Thị M ; chị Phạm Thị N không qua lại gì với anh Nguyễn Vũ H . Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ trên chứng minh hôn nhân giữa anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh Nguyễn Vũ H ly hôn với chị Phạm Thị N .

Về con chung: Anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Vũ H không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn anh Nguyễn Vũ H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh Nguyễn Vũ H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000592 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P M , tỉnh Bình Định.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Vũ H .

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho anh Nguyễn Vũ H ly hôn với chị Phạm Thị N .

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 28 tháng 4 năm 2008 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Vũ H và chị Phạm Thị N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Vũ H không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Vũ H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn đề sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn Vũ H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000592 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 11 tháng 3 năm 2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện P M , tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện P M , tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân xã M H , huyện P M , tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Mỹ;
- CCTHADS huyện Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về Ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn ông Bùi Phước P có hộ khẩu thường trú tại quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.. [2]. Về thủ tục: Bị đơn ông Bùi Phước P đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử lần thứ 2 vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 05 tháng 3 năm 2018 nguyên đơn bà Trần Thị Thanh A, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật. [3]. Về yêu cầu của đương sự: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyền số 01/2010 ngày 11/02/2010 do Ủy ban nhân dân Phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp thì quan hệ giữa bà Trần Thị Thanh A và ông Bùi Phước P là quan hệ Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ đơn ly hôn ngày 16/11/2017, bản khai ngày 04/12/2017, biên bản hòa giải ngày 13/02/2018 bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục 3 đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn, nên bà A yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Tòa án đã mời các bên đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông P không đến Tòa để tham gia hòa giải, điều này cho thấy ông P không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình hạnh phúc. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được..” Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà A và ông P đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ nên được chấp nhận. -Về con chung: Ông P và bà A có 01 con chung tên: Bùi Thị Hoàng A, sinh ngày 02/9/2009. Xét thấy, từ khi sinh ra đến nay bà A là người trực tiếp nuôi con, hiện nay bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của trẻ Bùi Thị Hoàng A có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ, đồng thời trẻ là bé gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ phù hợp với sự P triển tâm sinh lý của trẻ nên yêu cầu của bà A được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản chung: Bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét. Về nợ chung: Bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Ly hôn là 300.000đồng. Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH: - Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; - Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; - Căn cứ Luật Thi hành án dân sự; - Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh A: 4

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh A được ly hôn với ông Bùi Phước P. 2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Thanh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Bùi Thị Hoàng A, sinh ngày 02/9/2009. 3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của bà A không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông Bùi Phước P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục 1 con chung. Vì lợi ích của của con, khi có lý do chính đáng ông P, bà A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con. 4. Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết. 5. Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà A tự thỏa thuận với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết. 6. Về án phí: án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Trần Thị Thanh A phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003421 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. 7. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.